

Bộ Điều Khiển Mức Nước / Để Giữ Điện Cực

FS-3A

www.npower.com.vn

Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER**
Bản quyền nội dung thuộc về công ty **Hanyoung Nux**

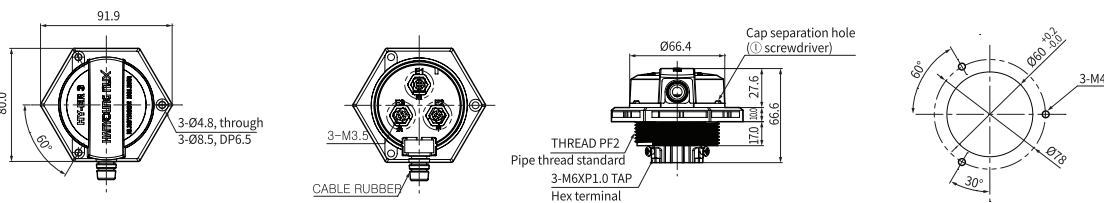
Powered by **NAVITECH** | www.navitech.co

Thông số kỹ thuật

Mã hàng	FS-3A(độ nhạy cao)	FS-3A(độ nhạy thấp)
Hình dạng ngoài		
Điện áp nguồn	110 V AC 50/60 Hz / 220 V AC 50/60 Hz	
Biên độ dao động điện áp	±10 % điện áp nguồn	
Điện áp giữa các điện cực (điện áp thứ cấp)	24 V AC	8 V AC
Công suất tiêu thụ	Xấp xỉ 3.2 VA	
Thời gian đáp ứng	Tối đa 80 ms cho hoạt động, tối đa 160 ms cho phản hồi	
Điện trở hoạt động của điện cực	0 - Xấp xỉ 27 KΩ	0 - Xấp xỉ 7 KΩ
Điện trở phản hồi của điện cực	Xấp xỉ 38 KΩ - ∞ Ω	Xấp xỉ 15 KΩ - ∞ Ω
Tín hiệu ra	Tín hiệu ra rơ le loại (1c): 250 V AC 5 A (tải trở)	
Điện trở cách điện	Tối thiểu 100 MΩ (500 V DC Mega)	
Độ bền điện	2000 V AC 50/60 Hz trong 1 phút	
Chống rung	10 - 55 Hz (trong 1 phút), Biên độ kép 0.75 mm, trên mỗi phương X, Y, Z trong 2 giờ	
Chống sốc	300 m/s ² trên mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần	
Tuổi thọ	Cơ khí: tối thiểu 5 triệu lần, Điện: 500,000 lần	
Nhiệt độ và độ ẩm môi trường	-10 ~ 50 °C , 35 ~ 85 % RH (không ngưng tụ)	

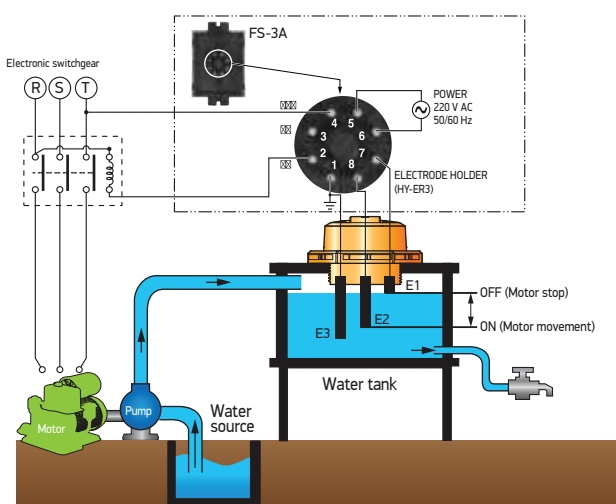
HY-ER3

Thông số kỹ thuật

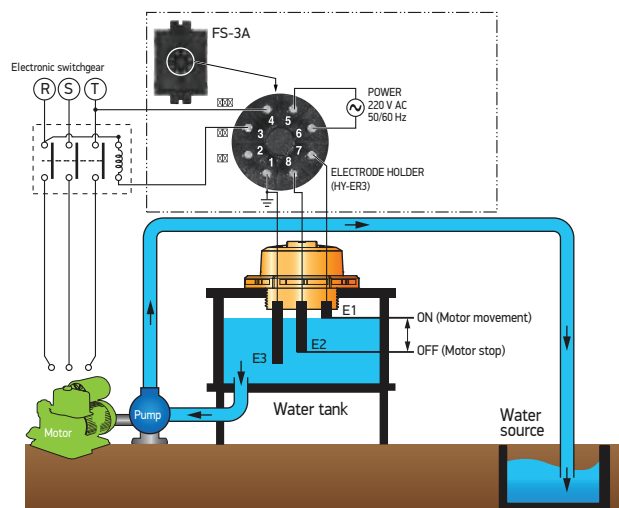
Hình dạng ngoài	Kích thước
	

Ví dụ ứng dụng

· Ví dụ về cung cấp nước lên bồn (sử dụng với FS-3A)



· Ví dụ về xả nước khỏi bồn (sử dụng với FS-3A)



FS-3A

Floatless level switch

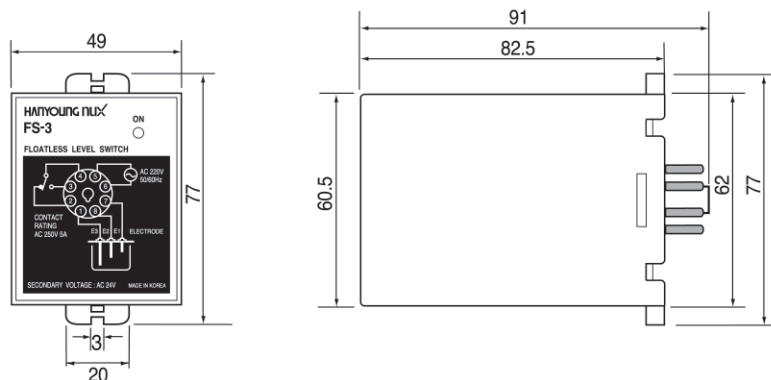
- Recommendable for water level control for irrigation, water purification
- Compact size and simple installation
- Operation state is indicated by the LED



●● Specification

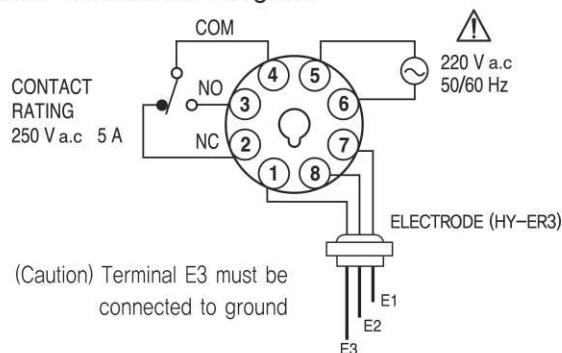
Model	FS-3 A (High sensitivity)	FS-3 A (Low sensitivity)
Power Supply Voltage	110 V AC / 220 V AC 50/60 Hz	
Allowable voltage fluctuation range	± 10 % of the power supply voltage	
Voltage between the electrodes secondary voltage	24 V AC	8 V AC
Power consumption	Approx. 3.2 VA	
Response time	Max 80 ms when operating, max 160 ms when returning	
Operation resistance between electrodes	0 – approx. 27 K Ω	0 – approx. 7 K Ω
Return resistance between electrodes	Approx. 38 K Ω – $\infty\Omega$	Approx. 15 K Ω – $\infty\Omega$
Control output	Relay contact output (1c) : 250 V AC 5 A (Resistive load)	
Insulation resistance	100 M Ω min (measured with 500 V DC) between electricity conduction part and exposed non-charged metal part	
Dielectric strength	2000 V AC (50 – 60 Hz) for 1 minute between the two charged terminals	
Vibration resistance	10 – 55 Hz per 1 minute, with 0.76 mm amplitude, for 2 hours in each of X, Y and z directions	
Shock resistance	300 m/s ²	
Durability	Mechanically more than 5 million times (relay type), electrically more than 500 thousand times (load resistance)	
Ambient temperature	-10 ~ 50 °C (Under the condition of no ice formation)	
Ambient humidity	35 ~ 85 % RH	

●● Dimension (Unit : mm)



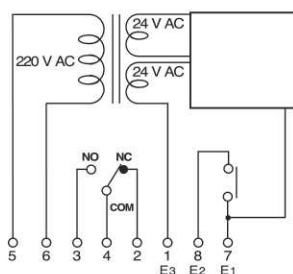
Connection diagram

External connection diagram

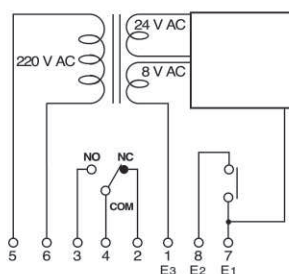


Internal connection diagram

① High sensitivity

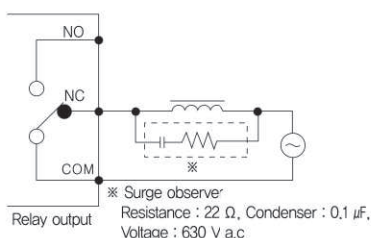


② Low sensitivity



Regarding the connection of load

- Attaching the surge observer at each end of inducible load (motor, solenoid and etc) as shown on the right side will prevent noise



HY-ER3

Appearance	Dimension
	91.9 80 78 3-Ø8.5 17 66.6 10 27.6 66.4 3-M6XP1.0 TAP 3-Ø29 3-M3.5 3-Ø4.8 3-Ø29 3-M3.5 3-Ø4.8 SEPERATE COVER HOLE (Screw driver) (SEPERATE COVER) CABLE RUBBER THREAD PF2 PIPE THREAD HEXAGONAL BRASS BAR